



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Liu Min	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2019)
Ông Nguyễn Nhật Dương	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2019 nhưng vẫn là thành viên Hội đồng Quản trị)
Ông Liu YongXin	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019)
Ông Cheung Yipsang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019)
Ông Lu Zhiming	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019)
Ông Gao Zhixin	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Tú	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Wang Xin	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2019)
Ông Văn Tuấn Anh	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2019)
Ông Bùi Xuân Năng	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2019)
Ông Liu XiaoDong	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2019)
Ông Chen Zhibin	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2019)
Ông Martin Wong Siew Bing	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 14 tháng 8 năm 2019

11250
NG
HIỆM H
LOIT
T N
4. 19

Số: 0294 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2019, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, số dư hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ bao gồm một số nguyên liệu, vật liệu chậm luân chuyển với tổng giá trị ghi sổ là khoảng 4,4 tỷ VND. Công ty chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của các nguyên liệu, vật liệu này để xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2019. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có khoản đầu tư dài hạn vào các công ty con với giá trị ghi sổ là 18.604.854.163 VND. Công ty chưa trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với các khoản đầu tư dài hạn này theo luật định. Nếu Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ tăng lên 2.166.039.238 VND, đồng thời, khoản mục Chi phí tài chính và Lỗ trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 cũng sẽ tăng với giá trị tương ứng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		173.344.835.419	198.336.710.771
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18.892.834.081	66.761.534.103
1. Tiền	111		4.892.834.081	21.761.534.103
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	45.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	8.765.272.150	16.691.591.658
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.765.272.150	16.691.591.658
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		97.431.788.335	93.488.172.240
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	39.642.166.106	52.922.880.737
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	34.843.290.741	15.045.864.405
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	21.200.000.000	20.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	2.914.916.730	6.211.007.187
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.237.319.040)	(760.313.887)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		68.733.798	68.733.798
IV. Hàng tồn kho	140	11	37.699.262.086	19.403.903.156
1. Hàng tồn kho	141		42.893.495.356	19.403.903.156
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.194.233.270)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.555.678.767	1.991.509.614
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	404.705.705	456.270.090
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.150.973.062	1.535.239.524
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.520.052.927	45.251.922.897
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.009.905.790	2.251.668.254
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	10.442.737.988	8.004.149.558
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	72.795.872	135.295.872
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(9.505.628.070)	(5.887.777.176)
II. Tài sản cố định	220		17.236.017.519	17.050.488.623
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	16.403.805.619	16.199.223.663
- Nguyên giá	222		28.865.054.105	27.289.457.874
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.461.248.486)	(11.090.234.211)
2. Tài sản cố định vô hình	227		832.211.900	851.264.960
- Nguyên giá	228		1.408.758.913	1.408.758.913
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(576.547.013)	(557.493.953)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.071.719.567	3.208.104.221
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.071.719.567	3.208.104.221
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	18.704.854.163	100.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		18.604.854.163	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		100.000.000	100.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.497.555.888	22.641.661.799
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	23.392.375.677	22.536.481.588
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	105.180.211	105.180.211
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		235.864.888.346	243.588.633.668

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		47.557.462.930	42.038.631.411
I. Nợ ngắn hạn	310		46.565.946.830	41.001.797.149
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	37.205.672.685	31.503.338.111
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.917.649.481	2.823.772.279
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	11.748.514	30.092.099
4. Phải trả người lao động	314		837.432.356	1.729.564.170
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	678.176.666	841.423.937
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		301.210.355	254.818.371
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.886.090.939	2.918.353.013
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	378.333.448	494.802.783
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		349.632.386	405.632.386
II. Nợ dài hạn	330		991.516.100	1.036.834.262
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	96.068.174	86.973.380
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	895.447.926	949.860.882
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		188.307.425.416	201.550.002.257
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	188.307.425.416	201.550.002.257
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		188.700.000.000	188.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.700.000.000	188.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.480.000.000	15.480.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.596.615.372	2.596.615.372
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		337.031.314	337.031.314
5. Lỗ lũy kế	421		(18.806.221.270)	(5.563.644.429)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.563.644.429)	2.665.766.802
- (Lỗ) kỳ này	421b		(13.242.576.841)	(8.229.411.231)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		235.864.888.346	243.588.633.668

Phan Ngọc Lan
Người lập biểu

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng



Wang Xin
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		124.397.752.499	156.591.734.566
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	850.828.154
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	124.397.752.499	155.740.906.412
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	118.855.879.701	145.612.946.064
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.541.872.798	10.127.960.348
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.820.038.427	3.418.289.691
7. Chi phí tài chính	22		182.184	3.256.000
8. Chi phí bán hàng	25	27	8.022.277.599	6.886.085.824
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	12.713.438.260	9.728.980.662
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(13.373.986.818)	(3.072.072.447)
11. Thu nhập khác	31	28	185.409.978	119.923.287
12. Chi phí khác	32		1	682
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		185.409.977	119.922.605
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(13.188.576.841)	(2.952.149.842)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	30.617.546
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(30.617.546)
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(13.188.576.841)	(2.952.149.842)

Phan Ngọc Lan
Người lập biểu

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng



Wang Xin
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

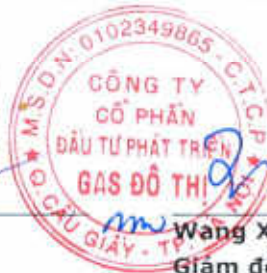
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	144.851.209.559	169.396.724.625
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(174.202.091.969)	(168.452.434.574)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.610.463.224)	(7.984.179.982)
4. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(906.904.082)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.220.972.166	1.367.993.878
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.810.528.043)	(4.364.678.863)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(38.550.901.511)	(10.943.478.998)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(377.376.365)	(925.380.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.200.000.000)	(77.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.126.319.508	87.550.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18.556.092.262)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.691.851.398	4.460.365.696
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.315.297.721)	13.584.985.696
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(2.394.000)	(86.565.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.394.000)	(86.565.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(47.868.593.232)	2.554.940.798
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	66.761.534.103	19.710.379.257
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(106.790)	7.872.024
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	18.892.834.081	22.273.192.079


Phan Ngọc Lan
Người lập biểu


Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng


Wang Xin
Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 6 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã cổ phiếu là PCG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 89 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 122).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng và các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo lao động phục vụ ngành khí (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới, định giá, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động môi giới giá đất);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Dịch vụ tư vấn, thi công, lắp đặt, cung cấp thiết bị hệ thống điều hòa không khí, điện, nước, thang máy, trang trí nội ngoại thất, thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN

- Thiết kế, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế, lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng;
- Giám sát thi công, xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải đường ống;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá;
- Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Bán buôn tổng hợp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 27 tháng 12 năm 2018, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn với Bà Nguyễn Thị Thanh Hải để mua lại toàn bộ phần vốn góp tương đương với 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH VN Gas Đăk Lăk mà bà Nguyễn Thị Thanh Hải đang sở hữu. Đến ngày 04 tháng 01 năm 2019, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 6001446817 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đăk Lăk xác nhận quyền sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH VN Gas Đăk Lăk.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 13/KĐT-NQHĐQT về việc thành lập Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt. Ngày 03 tháng 01 năm 2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108569874 thành lập Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng, 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 14/KDT-NQHĐQT về việc thành lập Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam. Ngày 03 tháng 01 năm 2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108571023 thành lập Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng, 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của Công ty.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 03/KDT-NQHĐQT về việc thành lập Công ty TNHH PCG Phú Vinh. Ngày 19 tháng 4 năm 2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3002134692 thành lập Công ty TNHH PCG Phú Vinh với vốn điều lệ là 7 tỷ đồng, 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH VN Gas - Đắk Lắk	Đắk Lắk	100%	100%	Kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Xây dựng
Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh vật tư, thiết bị
Công ty TNHH PCG Phú Vinh	Hà Tĩnh	100%	100%	Kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp

Công ty có một Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 6 năm 2019.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

11250
ÔNG
NHIỆM VỤ
LOIT
ỆT N
ĐA - T

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù

tăng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng kể từ ngày gửi, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn

kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này</u> <u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

T.M.H.H
10

10/10/2013